UBND THỊ XÃ BA ĐỒN
BAN QLDA ĐTXD VÀ PT QUỸ ĐẤT

Số:196 /TB-BQLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ba Đồn, ngày22 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt Phương án bán đấu giá QSD đất đối với 89 thửa đất ở thuộc dự án: Khu dân cư phía Tây Bắc phường Quảng Long (sát phía Nam cây xăng Minh Khiêm), thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thị xã Ba Đồn về việc đấu giá quyền sử dụng đất lần 2 đối với 48 thửa đất ở thuộc dự án: Khu dân cư phía Tây Bắc phường Quảng Long (sát phía Nam cây xăng Minh Khiêm), thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để đấu giá quyền sử dụng đất lần 2 đối với 48 thửa đất ở thuộc dự án: Khu dân cư phía Tây Bắc phường Quảng Long (sát phía Nam cây xăng Minh Khiêm), thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá.

Tên của người có tài sản đấu giá (chủ đầu tư): Ủy ban nhân dân phường Quảng Long

Đơn vị được ủy quyền: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.

- Địa chỉ: Cơ sở 1 - Số 21, đường Lý Thường Kiệt, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá.

2.1 Tên tài sản, số lượng tài sản đấu giá:

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất đối với 48 thửa đất ở thuộc dự án: Khu dân cư phía Tây Bắc phường Quảng Long (sát phía Nam cây xăng Minh Khiêm), thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Địa chỉ: Phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Số lượng thửa đất: 48 thửa đất.

- Tổng diện tích 48 thửa đất: 10.742,5 m^2.

- Tổng giá khởi điểm của 48 thửa đất: 29.015.000.000 đồng.

2.2 Chất lượng tài sản, giá khởi điểm:

- Các thửa đất đã được giải phóng mặt bằng.

- Mục đích sử dụng các thửa đất: ODT (Đất ở đô thị).

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Giá khởi điểm các thửa đất.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016, Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/2/2022 của Bộ Tư pháp và các tiêu chí khác do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn quyết định, cụ thể như sau:

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá đối với tài sản là quyền sử dụng đất.

- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả. *(Có phương án dự thảo kèm theo)*

- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Các tổ chức đấu giá tài sản phải có tài khoản giao dịch ngân hàng thương mại lập tại các ngân hàng hoặc chi nhánh ngân hàng đóng trên địa bàn thị xã Ba Đồn.

- Các tiêu chí khác do chủ tài sản và Tổ xét duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản quyết định.

- Đơn vị tổ chức đấu giá phải đảm bảo bảo mật thông tin khách hàng và thực hiện đúng trình tự thủ tục đã được quy định.

(Lưu ý: Các tổ chức đấu giá nộp hồ sơ kèm theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản theo mẫu Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp)

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký của các tổ chức đấu giá.

4.1 Thời gian: **Từ ngày 23/08/2022 đến hết ngày 26/08/2022** (Giờ hành chính các ngày làm việc).

4.2 Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: Tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.

- Địa chỉ: Cơ sở 2 - Số 160, đường Chu Văn An, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Điện thoại: 0914.530.407

- Hồ sơ tham gia được niêm phong và do đại diện tổ chức đấu giá nộp trực tiếp tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Ba Đồn Thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết, đăng ký tham gia. Thông báo này được đăng trên Trang thông tin điện tử của UBND thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình và Cổng thông tin quốc gia về đấu giá tài sản./.

Nơi nhận:
- CT, PCT UBND thị xã (để b/c);
- Giám đốc Ban (b/c);
- Tổ Tư vấn xét duyệt hồ sơ (để b/c);
- VP HĐND&UBND thị xã (để đăng tải);
- Cổng TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đoàn Minh Trịnh

PHỤ LỤC

STT	Lô đất số	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Loại đất	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (đồng)
1	A2	8	4	ODT	447,5	1.925.000.000
2	B1	9	4	ODT	220,0	550.000.000
3	B2	10	4	ODT	220,0	550.000.000
4	B3	11	4	ODT	220,0	550.000.000
5	B4	12	4	ODT	220,0	550.000.000
6	B5	13	4	ODT	220,0	550.000.000
7	B6	14	4	ODT	220,0	550.000.000
8	B7	15	4	ODT	220,0	550.000.000
9	B8	16	4	ODT	220,0	550.000.000
10	B9	17	4	ODT	220,0	550.000.000
11	B10	18	4	ODT	220,0	550.000.000
12	B11	19	4	ODT	220,0	550.000.000
13	C1	49	4	ODT	247,5	1.015.000.000
14	C2	48	4	ODT	200,0	600.000.000
15	C3	47	4	ODT	200,0	600.000.000
16	C4	46	4	ODT	247,5	1.015.000.000
17	C5	50	4	ODT	220,0	528.000.000
18	C6	51	4	ODT	220,0	528.000.000
19	C7	52	4	ODT	220,0	528.000.000
20	C8	53	4	ODT	220,0	594.000.000
21	C9	45	4	ODT	220,0	528.000.000
22	C10	44	4	ODT	220,0	528.000.000
23	C11	43	4	ODT	220,0	528.000.000

24	C12	42	4	ODT	220,0	594.000.000
25	D1	38	4	ODT	220,0	594.000.000
26	D2	39	4	ODT	220,0	528.000.000
27	D3	40	4	ODT	220,0	528.000.000
28	D4	41	4	ODT	220,0	528.000.000
29	D5	37	4	ODT	220,0	594.000.000
30	D7	35	4	ODT	220,0	528.000.000
31	D11	33	4	ODT	200,0	660.000.000
32	E2	55	4	ODT	200,0	600.000.000
33	E3	54	4	ODT	200,0	600.000.000
34	E5	57	4	ODT	220,0	528.000.000
35	E6	58	4	ODT	220,0	528.000.000
36	E7	59	4	ODT	220,0	528.000.000
37	E8	60	4	ODT	220,0	594.000.000
38	E9	244	5	ODT	220,0	550.000.000
39	E10	243	5	ODT	220,0	550.000.000
40	E11	242	5	ODT	220,0	550.000.000
41	E12	241	5	ODT	220,0	616.000.000
42	G2	212	5	ODT	220,0	550.000.000
43	H3	216	5	ODT	220,0	550.000.000
44	H4	217	5	ODT	220,0	550.000.000
45	H5	218	5	ODT	220,0	550.000.000
46	H6	219	5	ODT	220,0	550.000.000
47	H7	220	5	ODT	220,0	550.000.000
48	H8	221	5	ODT	220,0	550.000.000
Tổng cộng: 48 thửa đất					**10.742,5**	**29.015.000.000**
(Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ không trăm mười lăm triệu đồng chẵn./.)						

PHỤ LỤC I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	*Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá*	*11,0*
1.1	*Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)*	*6,0*
1.2	*Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện*	*5,0*
2	*Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá*	*8,0*
2.1	*Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá*	*4,0*
2.2	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá*	*4,0*
3	*Có trang thông tin điện tử đang hoạt động*	*2,0*
4	*Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến*	*1,0*
5	*Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá*	*1,0*
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	22,0
1	*Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan*	4,0
2	*Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao*	4,0
3	*Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá*	*4,0*

4	*Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá*	*4,0*
5	*Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá*	*3,0*
6	*Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá*	*3,0*
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	*Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5*	*6,0*
1.1	*Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)*	*2,0*
1.2	*Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng*	*3,0*
1.3	*Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng*	*4,0*
1.4	*Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng*	*5,0*
1.5	*Từ 30 hợp đồng trở lên*	*6,0*
2	*Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)* *Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5*	*18,0*
2.1	*Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)*	*10,0*
2.2	*Từ 20%) đến dưới 40%*	*12,0*
2.3	*Từ 40% đến dưới 70%*	*14,0*
2.4	*Từ 70% đến dưới 100%*	*16,0*
2.5	*Từ 100% trở lên*	*18,0*

3	*Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)* *Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3*	*5,0*
3.1	*Dưới 03 năm*	*3,0*
3.2	*Từ 03 năm đến dưới 05 năm*	*4,0*
3.3	*Từ 05 năm trở lên*	*5,0*
4	*So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản* *Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3*	*3,0*
4.1	*01 đấu giá viên*	*1,0*
4.2	*Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên*	*2,0*
4.3	*Từ 05 đấu giá viên trở lên*	*3,0*
5	*Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)* *Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3*	*4,0*
5.1	*Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*2,0*
5.2	*Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*3,0*
5.3	*Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*4,0*
6	*Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng* *Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4*	*5,0*
6.1	*Dưới 50 triệu đồng*	*2,0*
6.2	*Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*	*3,0*

6.3	*Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng*	*4,0*
6.4	*Từ 200 triệu đồng trở lên*	*5,0*
7	*Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động* *Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2*	*3,0*
7.1	*Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)*	*2,0*
7.2	*Từ 03 nhân viên trở lên*	*3,0*
8	*Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn*	*1,0*
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp *Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3*	5,0
1	*Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính*	*3,0*
2	*Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)*	*4,0*
3	*Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)*	*5,0*
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	*Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố*	*Đủ điều kiện*
2	*Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố*	*Không đủ điều kiện*